

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2024/HNGĐ-PT**

Ngày: 09/7/2024

*“Ly hôn, tranh chấp nuôi con,  
chia tài sản chung của vợ chồng  
khi ly hôn, nợ chung”.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Hạnh

*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Minh Nhựt

Bà Thái Thị Thanh Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** Ông Phùng Đức Nam –  
Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2024/TLPT- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, nợ chung”*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 169/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2024/QĐ-PT ngày 7 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐ-PT, ngày 05/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐ-PT ngày 28/6/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông [Trình Quốc P](#), sinh năm 1982.

Địa chỉ: [Số G, ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông [P](#): Ông [Trần Ngọc T](#), sinh năm 1986.

Địa chỉ: [Tổ H, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#).

- **Bị đơn:** Bà [Nguyễn Thị C](#), sinh năm 1983.

Địa chỉ: [Số G, ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông [Trình Văn T1](#), sinh năm 1948.

2. Bà [Huỳnh Thị K](#), sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: [G, ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#).

3. Ông [Nguyễn Văn H](#), sinh năm 1952.

4. Bà [Nguyễn Thị T2](#), sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: [Số B, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai](#).

5. Bà [Huỳnh Thị K1](#), sinh năm 1938 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà [K1](#): Bà [Dương Thị Tuyết M](#), sinh năm 1960.

Địa chỉ: [Số D, tổ F, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai](#).

(Ông [P](#), ông [T](#), bà [C](#), ông [T1](#), bà [M](#) có mặt; các đương sự khác vắng mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

**\* Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông [Trình Quốc P](#) trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà [Nguyễn Thị C](#) tự nguyện kết hôn, đã được [UBND xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông đã có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà [Nguyễn Thị C](#).

- Về con chung: Có 01 (một) con chung là cháu [Trình Văn A](#), sinh ngày 14/6/2011. Ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu [Văn A](#) và không yêu cầu bà [C](#) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, ông và bà [Nguyễn Thị C](#) có tạo dựng được khối tài sản chung gồm:

+ 01 căn nhà và đất tại thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#), có nguồn gốc theo giấy tờ là do cha ruột của ông là ông [Trình Văn T1](#) tặng cho 02 vợ chồng ông nhưng thực chất là do cha mẹ ông chuyển nhượng cho vợ chồng ông. Hiện ông, bà [C](#) và cháu [Văn A](#) đang sống chung tại căn nhà trên.

+ 01 căn nhà và đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#). Trên đất có 12 phòng trọ và 01 ki ốt đang cho thuê. Khi cho thuê các bên chỉ thỏa thuận miệng không lập hợp đồng cho thuê vì người thuê chỉ thuê thời gian ngắn, không cố định và người thuê trọ thường thay đổi liên tục. Hiện ông đang quản lý, thu tiền phòng trọ. Tiền phòng trọ mà ông thu được ông đều chia lại 50% cho bà [C](#).

Ông đồng ý với Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3413/2022 ngày 10/5/2022 của [Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh T3](#) và Chứng thư thẩm định giá số 2590/CT-ĐNI ngày 05/8/2022 của [Công ty cổ phần T4](#).

Ông yêu cầu Toà án chia cho ông được nhận 70% giá trị tài sản chung vì ông có nhiều công sức đóng góp vào tài sản chung hơn bà [C](#). Ông yêu cầu được nhận căn nhà và đất tại thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#) và đồng ý giao lại nhà và đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#) cho bà [C](#). Bà [C](#) phải thanh toán lại cho ông giá trị tài sản chênh lệch.

- Về nợ chung:

+ Vợ chồng ông có thể chấp quyền sử dụng thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) tại [Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Đ – Phòng G \(S1\)](#) để vay số tiền 1.120.000.000 đồng (một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng). Nay ông và bà [C](#) đã trả hết khoản nợ trên cho Ngân hàng giải chấp tài sản thế chấp.

+ Nợ của cha ruột ông là ông [Trình Văn T1](#) số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tiền mua căn nhà số 01 nhà và đất tại thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#). Ông và bà [C](#) đã trả hết khoản nợ trên cho ông [T1](#) và bà [K](#). Ông [T1](#) và bà [K](#) đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Đề nghị Toà án đình chỉ yêu cầu độc lập của ông [T1](#), bà [K](#).

+ Năm 2017, mượn của mẹ vợ ông số tiền 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng) để xây dựng phòng trọ trên thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#). Ông và bà [C](#) đã trả hết khoản nợ trên cho ông [H](#), bà [T2](#). Ông [H](#), bà [T2](#) đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Đề nghị Toà án đình chỉ yêu cầu độc lập của ông [H](#), bà [T2](#).

**\* Bị đơn bà [Nguyễn Thi C](#) trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông [Trình Quốc P](#) tự nguyện kết hôn, vợ chồng bà đã được [UBND xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà đã có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Vợ chồng bà thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng bà đã được gia đình

hai bên hòa giải nhưng không thành. Nay ông [Trình Quốc P](#) yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông [P](#) có 01 (một) con chung là cháu [Trình Văn A](#), sinh ngày 14/6/2011. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu [Văn A](#) và không yêu cầu ông [P](#) cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông [Trình Quốc P](#) có tạo dựng được khối tài sản chung gồm:

+ 01 căn nhà và đất tại thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#), có nguồn gốc theo giấy tờ là do cha chồng của bà là ông [Trình Văn T1](#) tặng cho 02 vợ chồng bà nhưng thực chất là do cha mẹ chồng bà chuyển nhượng cho vợ chồng bà. Hiện bà, ông [P](#) và cháu [Văn A](#) đang cùng chung sống tại căn nhà trên.

+ 01 căn nhà và đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#). Trên đất có 12 phòng trọ và 01 ki ốt đang cho thuê. Khi cho thuê các bên chỉ thỏa thuận miệng không lập hợp đồng cho thuê vì người thuê chỉ thuê thời gian ngắn, không cố định. Hiện ông [P](#) đang quản lý, thu tiền phòng trọ. Trước đây bà có yêu cầu ông [P](#) phải chia lại cho bà 50% tiền thu được từ việc kinh doanh phòng trọ, nay bà rút lại yêu cầu trên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà [C](#) đồng ý với Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3413/2022 ngày 10/5/2022 của [Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh T3](#) và Chứng thư thẩm định giá số 2590/CT-ĐNI ngày 05/8/2022 của [Công ty cổ phần T4](#).

Bà yêu cầu Toà án chia cho bà 50% giá trị tài sản chung vì bà và ông [P](#) có công sức đóng góp như nhau trong việc tạo dựng tài sản chung. Bà yêu cầu được nhận căn nhà và đất tại thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#) và đồng ý giao lại nhà và đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#) cho ông [P](#). Bà yêu cầu ông [P](#) phải thanh toán lại cho bà giá trị tài sản chênh lệch vì nhà và đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#) có giá trị cao hơn.

- Về nợ chung:

+ Vợ chồng bà có thể chấp quyền sử dụng thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) tại [Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Đ – Phòng G \(S1\)](#) để vay số tiền 1.120.000.000 đồng (một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng). Nay bà và ông [P](#) đã trả hết số nợ trên cho Ngân hàng giải chấp tài sản thế chấp.

+ Nợ của cha chồng bà là ông [Trình Văn T1](#) số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tiền mua căn nhà số 01 nhà và đất tại thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#). Bà và ông [P](#) đã trả hết khoản nợ trên cho ông [T1](#) và

bà K. Ông T1 và bà K đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Đề nghị Toà án đình chỉ yêu cầu độc lập của ông T1, bà K.

+ Năm 2017, mượn của mẹ ruột bà số tiền 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng) để xây dựng phòng trọ trên thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Bà và ông P đã trả hết khoản nợ trên cho ông H, bà T2. Ông H, bà T2 đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Đề nghị Toà án đình chỉ yêu cầu độc lập của ông H, bà T2.

\* Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 169/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trình Quốc P được ly hôn với bà Nguyễn Thi C.

2. Về con chung: Giao cháu Trình Văn A, sinh ngày 14/6/2011 cho bà Nguyễn Thi C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Trình Quốc P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trình Quốc P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trình Quốc P về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

- Chia cho bà Nguyễn Thi C và ông Trình Quốc P mỗi người 50% giá trị tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (phần đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1 theo bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3413/2022 ngày 10/5/2022) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất; thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (phần đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 1 theo bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3412/2022 ngày 10/5/2022) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Tổng giá trị tài sản chung là 8.462.500.000 đồng.

- Giao cho ông Trình Quốc P quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (phần đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4,

5, 6, 7, 8, 1 theo bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3413/2022 ngày 10/5/2022) và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

- Giao cho bà [Nguyễn Thị C](#) quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) (phần đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 1 theo bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3412/2022 ngày 10/5/2022) và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

- Ông [Trình Quốc P](#) có nghĩa vụ thanh toán cho bà [Nguyễn Thị C](#) số tiền 726.288.000 đồng (bảy trăm hai mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng).

#### 4. Về nợ chung:

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông [Trình Văn T1](#) và bà [Huỳnh Thị K](#).

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông [Nguyễn Văn H](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 3/10/2023, ông [Trình Quốc P](#) có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng sửa một phần Bản án sơ thẩm: Chia cho ông [P](#) được nhận giá trị phần tài sản chung tương đương là 70% và cho ông [P](#) được nhận tài sản là căn nhà và đất tại thửa đất số 431 tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#); Chia cho bà [C](#) giá trị phần tài sản tương ứng là 30% và giao cho bà [C](#) dãy nhà trọ và đất tại thửa đất số 201 tờ bản đồ số 33 tại [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#). Các bên thanh toán tiền chênh lệch cho nhau theo quy định.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông [P](#) thay đổi nội dung kháng cáo. Ông [P](#) yêu cầu được nhận tài sản là căn nhà và đất tại thửa đất số 431 tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#); Giao cho bà [C](#) dãy nhà trọ và đất tại thửa đất số 201 tờ bản đồ số 33 tại [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#). Các bên không thanh toán tiền chênh lệch cho nhau.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hôn nhân gia đình. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm ông [Trình Quốc P](#) thay đổi yêu cầu kháng cáo. Ông xin được nhận tài sản là căn nhà và đất tại thửa đất số 431,

tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#) và giao cho bà [Nguyễn Thị C](#) dãy nhà trọ và đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#). Hai bên không phải bù trừ chênh lệch.

Nhận thấy: Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 2590/CT-ĐNI ngày 05/8/2022 của [Công ty cổ phần T4](#). Thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) và các tài sản trên đất có giá trị 3.504.982.500 đồng (trong đó quyền sử dụng đất có giá trị 3.262.500.000 đồng, nhà cửa, vật kiến trúc có giá trị 242.482.500 đồng); Thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) và tài sản trên đất có giá trị 4.957.558.040 đồng (trong đó quyền sử dụng đất có giá trị 4.323.000.000 đồng, nhà cửa, vật kiến trúc có giá trị 634.558.040 đồng). Tổng giá trị tài sản chung là 8.462.500.000 đồng. Như trên thì bà [C](#) được nhận tài sản có giá trị cao hơn, không phải thanh toán bù trừ chênh lệch giá giữa 02 thửa đất cho ông [P](#), có lợi cho bị đơn. Mặt khác, căn nhà và đất tại thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#) có nguồn gốc do bà [C](#) và ông [P](#) được ông [Trình Văn T1](#) và bà [Huỳnh Thị K2](#) tặng cho, đây cũng là nơi ông [P](#) dùng làm mặt bằng kinh doanh buôn bán từ trước khi kết hôn với bà [C](#), gần gia đình nhà ông [P](#). Việc giao cho bà [C](#) dãy nhà trọ và đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#) phù hợp với điều kiện thực tế của bà [C](#), bà làm công nhân không có mục đích sử dụng mặt bằng buôn bán, hàng tháng còn có nguồn thu nhập từ việc cho thuê phòng trọ. Do đó, yêu cầu của ông [P](#) tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở chấp nhận.

Bà [C](#) có ý kiến trình bày tại cấp phúc thẩm là bà không đồng ý yêu cầu của ông [P](#). Bà đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm và không muốn nhận thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#) với lý do sẽ làm thay đổi nơi sinh sống thường ngày của con, cũng như việc phải ở trong khu nhà trọ có nhiều người khác đang cùng sinh sống sẽ phức tạp nên bà không đồng ý.

Như đã phân tích trên, yêu cầu của ông [P](#) xin được nhận căn nhà và đất tại thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) là có cơ sở nên không chấp nhận ý kiến của bà [C](#).

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của ông [Trình Quốc P](#). Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 169/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom theo hướng: Ông [Trình Quốc P](#) được nhận tài sản là căn nhà và đất tại thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#) và bà [Nguyễn Thị C](#) được nhận dãy nhà trọ và đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#). Hai bên không phải bù trừ chênh lệch. Các nội dung khác được tuyên tại bản án sơ thẩm đề nghị giữ nguyên.

Về án phí: Các bên phải chịu theo luật định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông [Trình Quốc P](#) làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tố tụng.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung vụ án, nội dung kháng cáo:

Ông [P](#) và bà [C](#) đều xác định trong quá trình chung sống, ông bà có tạo dựng được tài sản chung là: Thửa đất số 201 và thửa số 431 tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) và các tài sản gắn liền với đất.

+ Thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#) có nguồn gốc do bà [C](#) và ông [P](#) được ông [Trình Văn T1](#) và bà [Huỳnh Thị K2](#) tặng cho (nhưng thực chất là ông [P](#) và bà [C](#) nhận chuyển nhượng từ bà [Huỳnh Thị K1](#) vào năm 2012). Năm 2015, ông [P](#), bà [C](#) được [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC 913810 ngày 18/12/2015.

+ Thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T](#) có nguồn gốc do ông [P](#), bà [C](#) nhận chuyển nhượng từ ông [Phạm Văn C1](#) và bà [Hoàng Thị Kim O](#). Năm 2017, ông [P](#), bà [C1](#) được [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 735419 ngày 18/3/2017.

Khối tài sản chung yêu cầu chia được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và đều có nguồn gốc do ông [P](#) và bà [C1](#) nhận chuyển nhượng. Trong suốt thời gian chung sống từ năm 2009 đến nay, ông [P](#) và bà [C1](#) đều có công việc và thu nhập ổn định, đều có đóng góp như nhau vào việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản chung. Hiện tại ông [P](#), bà [C1](#) và cháu [Trình Văn A](#) đang sinh sống trên thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#); còn thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B](#) đang được cho thuê trọ, ông [P](#) là người đứng tên trên giấy phép kinh doanh và là người trực tiếp quản lý, thu tiền trọ. Nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu [Văn A](#) và đảm bảo việc kinh doanh ổn định cho ông [P](#). Do đó, cấp sơ thẩm đã quyết định: Chia khối tài sản chung theo tỷ lệ 5:5; Giao cho ông [P](#) được quyền sử dụng thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) (phần đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1 theo bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3413/2022 ngày 10/5/2022) và tài sản gắn liền với đất (gồm nhà cửa và vật kiến trúc) có giá trị 4.957.558.040 đồng; Giao cho bà [C1](#) được quyền sử dụng thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) (phần đất được giới hạn

bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 1 theo bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3412/2022 ngày 10/5/2022) và tài sản gắn liền với đất (gồm nhà cửa và vật kiến trúc) có giá trị 3.504.982.500 đồng. Ông P có nghĩa vụ thanh toán cho bà C1 số tiền 726.288.000 đồng (bảy trăm hai mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng) là có căn cứ và phù hợp.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông P thay đổi nội dung kháng cáo. Ông P yêu cầu được nhận tài sản là căn nhà và đất tại thửa số 431 tờ bản đồ số 33, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Giao cho bà C1 dãy nhà trọ và đất tại thửa số 201 tờ bản đồ số 33 tại xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Các bên không thanh toán tiền chênh lệch cho nhau. Tuy nhiên, bà C1 không đồng ý với lý do ông P là đàn ông, sống một mình nên ở đâu cũng được; còn cháu Vân A đã sống ở căn nhà trên thửa đất số 431 từ khi mới sinh, đã quen với cuộc sống hiện tại, nếu thay đổi chỗ ở sẽ không đảm bảo cuộc sống ổn định của hai mẹ con. Bà không còn chỗ ở ổn định nào khác nên nếu hai mẹ con phải chuyển sang ở khu nhà trọ có nhiều người khác đang cùng sinh sống sẽ phức tạp, không tốt và ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Vân A. Bà đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét thấy, ông P thay đổi nội dung kháng cáo có lợi cho bà C1 về giá trị tài sản, Tuy nhiên, bà C1 vẫn mong muốn được nhận tài sản là căn nhà và đất tại thửa số 431 tờ bản đồ số 33, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai để đảm bảo cuộc sống ổn định của hai mẹ con. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007496 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trình Quốc P.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 169/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho ông [Trình Quốc P](#) được ly hôn với bà [Nguyễn Thị C](#).

**2. Về con chung:**

- Giao cháu [Trình Văn A](#), sinh ngày 14/6/2011 cho bà [Nguyễn Thị C](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông [Trình Quốc P](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông [Trình Quốc P](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung:** Chấp nhận một phần yêu cầu của ông [Trình Quốc P](#) về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

- Chia cho bà [Nguyễn Thị C](#) và ông [Trình Quốc P](#) mỗi người 50% giá trị tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) (phần đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1 theo bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3413/2022 ngày 10/5/2022) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất; thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) (phần đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 1 theo bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3412/2022 ngày 10/5/2022) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Tổng giá trị tài sản chung là 8.462.500.000 đồng.

Giao cho ông [Trình Quốc P](#) quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 201, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) (phần đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1 theo bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3413/2022 ngày 10/5/2022) và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Giao cho bà [Nguyễn Thị C](#) quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 431, tờ bản đồ số 33, [xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) (phần đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 1 theo bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3412/2022 ngày 10/5/2022) và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Ông [Trình Quốc P](#) có nghĩa vụ thanh toán cho bà [Nguyễn Thị C](#) số tiền 726.288.000 đồng (bảy trăm hai mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng).

- Ông [Trình Quốc P](#) có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 913810 ngày 18/12/2015 do [Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ](#) cấp cho ông [Trình Quốc P](#) và bà [Nguyễn Thị](#)

C cho bà C để bà C làm thủ tục đăng ký biến động và cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ông Trình Quốc P và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới và kê khai cấp quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền trên, nếu ông Trình Quốc P chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

#### **4. Về nợ chung:**

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Trình Văn T1 và bà Huỳnh Thị K.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T2.

**5. Về chi phí tố tụng:** Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trình Quốc P số tiền chi phí tố tụng là 27.547.000 đồng (hai mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

#### **6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:**

- Ông Trình Quốc P phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc ly hôn và số tiền 112.231.000 đồng (một trăm mười hai triệu, hai trăm ba mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng và 3.500.000 đồng tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu số 0007499 và 0007500 cùng ngày 22/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Ông P còn phải nộp 108.731.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị C phải nộp số tiền 112.231.000 đồng (một trăm mười hai triệu, hai trăm ba mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung.

- Ông Trình Văn T1, bà Huỳnh Thị K, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T2 thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định của pháp luật.

**7. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:** Ông Trình Quốc P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007496 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**8.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.**

***Nơi nhận:***

- TAND huyện Trảng Bom;
- VKSND T. Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Hạnh**



